

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Quản trị nhân lực

*(Ban hành theo Quyết định số: 2265/QĐ-ĐHLDXH ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

MÃ NGÀNH : 7340404

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Quản trị nhân lực**
- Tên tiếng Anh: **Human Resource Management**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị nhân lực
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Human Resource Management

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ đại học nhằm cung cấp đội ngũ cán bộ quản trị nhân lực có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, thái độ, sức khỏe để đảm đương các công việc về quản trị nhân lực, quản lý lao động; có năng lực tự học hỏi, tự cập nhật và thích nghi với sự thay đổi của lĩnh vực nghề nghiệp, biến động của môi trường và đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động, tiếp cận được các cơ hội việc làm.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh.

PO2: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản, kiến thức ngành và chuyên ngành để người học có đủ năng lực hiểu biết về kinh tế, xã hội, hiểu biết về lĩnh vực chuyên ngành quản trị nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các cơ hội việc làm, thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp và các cơ hội học tập, phát triển tiếp theo.

PO3: Đào tạo cho người học những kỹ năng phân tích thông tin, cơ sở dữ liệu; xây dựng ý tưởng; tham mưu thiết kế, hình thành chính sách quản lý nguồn nhân lực, triển khai, vận hành và đánh giá chính sách quản lý lao động, quản lý nguồn nhân lực

trong bối cảnh cụ thể.

PO4: Đào tạo người học có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hành nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chuyên môn.

PO5: Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất tốt, phù hợp với đặc thù công việc trong ngành quản trị nhân lực, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội.

PO6: Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: 2255/QĐ-ĐHLDXH ngày 14/8/2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Quản trị nhân lực trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	30	24,79
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	34	28,10
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	19	15,70
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,84
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,79
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,65
1.4.4	Tin học	4	3,31
1.5	Kiến thức khác ngành	6	4,96
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,61
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,61
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2.Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				30						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			26						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L, TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing Principles	2	2					
1.1.1.6	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour Law	2	2					
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	Essentials of Management	2	2					
1.1.1.8	DSMT0222H	Dân số và môi trường	Population and Environment	2	2					
1.1.1.9	NNLU0222H	Nguồn nhân lực	Human Resources	2	2				DSMT0222H	
1.1.1.10	TKLD1322H	Thống kê lao động	Labor Statistics	2	2				NLTK1322H	
1.1.1.11	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labour psychology	2	2					
1.1.1.12	HVTC0222H	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	2	2				TLLĐ0322H	
1.1.2	Các học phần tự chọn			4						
	Nhóm 1 (chọn 1/2)									
1.1.2.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.1.2.2	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H ViMO0523H TCC11122 TCC21122L XSTK1123L	

	Nhóm 2 (chọn 1/2)									
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Development Economics	2	2					
1.1.2.4	EGNM0222H	Ecgonômi	Ergonomics	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				34						
1.2.1	TQQT0222L	Tổng quan quản trị nhân lực	Overview of Human Resources Management	2	2					
1.2.2	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.3	NLQH0222L	Nguyên lý quan hệ lao động	Principles of Industrial Relations	2	2					
1.2.4	TCLĐ0222H	Tổ chức lao động	Labor Organization	2	2					
1.2.5	ĐMLĐ0223H	Định mức lao động	Labour Norms	3	3				TCLĐ0222H	
1.2.6	HĐNL0223H	Hoạch định nhân lực	Human resource planning	3	3					
1.2.7	TCBM0222H	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Organizational structure and Job analysis	2	2					
1.2.8	TCNL0223H	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	Recruitment and Staffing	3	3					
1.2.9	QTCV0223H	Quản trị thực hiện công việc	Performance Management	3	3					
1.2.10	QTLĐ0223H	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Compensation Management in enterprises	3	3					
1.2.11	ĐTNL0223H	Đào tạo nhân lực	Human Resource Training	3	3					
1.2.12	BHLĐ0222H	Bảo hộ lao động	Occupational Safe anh Health	2	2				TCLĐ0222H LLĐO10222H	
1.2.13	QHTC0222H	Quan hệ lao động trong tổ chức	Industrial Relations In Organization	2	2				LLĐO10222H NLQH0222L	
1.2.14	TRLĐ0222H	Thị trường lao động	Labour Market	2	2				NNLU0222H ViMO0523H	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				19						
1.3.1. Kiến thức bắt buộc				5						

1.3.1.1	QKVC0222H	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Human resources management in the public sector	2	2					
11.3.2	LKVC0223H	Tiền lương trong khu vực công	Salary in the public sector	3	3				NLTL0222H	
1.3.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2/4)				4						
1.3.2.1	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Corporate social responsibility in labor	2	2					
1.3.2.2	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					
1.3.2.3	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ0223H	
1.3.2.4	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				QTLĐ0223H	
1.3.3	TTCK0224T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4	TCNL0223H QTLĐ0223H ĐTNL0223H	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp			6						
1.3.4.1	KLTN0226T	Khoá luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		TTCK0224T	
	<i>Chọn các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 3/8 học phần chưa học sau)</i>									
1.3.4.2	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2					
1.3.4.3	NVBH0422H	Nghệ vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.3.4.4	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	Labor sociology	2	2					
1.3.4.5	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2					
1.3.4.6	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Corporate social responsibility in labor	2	2					
1.3.4.7	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					
1.3.4.8	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ0223H	
1.3.4.9	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				QTLĐ0223H	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						

1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced Mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				6						
1.5.1	Các học phần tự chọn nhóm 1 (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.5.2	Các học phần tự chọn nhóm 2 (chọn 2/4)			4						
1.5.2.1	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2					

1.5.2.2	NVBH0422H	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.5.2.3	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	Labor sociology	2	2					
1.5.2.4	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	3				TAC20623H	
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC)									
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc			1	1					
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 HP)			2	2					
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh	National defense and security	3	3					

		của Đảng cộng sản Việt Nam	guidelines of Vietnam communist party							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2	2					
Tổng cộng				121						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng g	L T	TH/T N	ĐA	T T		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				30						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			26						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomic	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomic	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC111 22L, TCC211	

									22L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật Kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing Principles	2	2					
1.1.1.6	LLĐO1022H	Luật lao động	Labour Law	2	2					
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	Essentials of Management	2	2					
1.1.1.8	DSMT0222H	Dân số và môi trường	Population and Environment	2	2					
1.1.1.9	NNLU0222H	Nguồn nhân lực	Human Resources	2	2				DSMT0222H	
1.1.1.10	TKLĐ1322H	Thống kê lao động	Labor Statistics	2	2				NLTK1322H	
1.1.1.11	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labour psychology	2	2					
1.1.1.12	HVTC0222H	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	2	2				TLLĐ0322H	
1.1.2	Các học phần tự chọn			4						
	<i>Nhóm 1 (chọn 1/2)</i>									
1.1.2.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.1.2.2	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H ViMO0523H TCC11122 TCC211	

									22L XSTK11 23L	
	<i>Nhóm 2 (chọn 1/2)</i>									
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Economic Development	2	2					
1.1.2.4	EGNM0222 H	Ecgonômi	Ergonomics	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				34						
1.2.1	TQQT0222L	Tổng quan quản trị nhân lực	Overview of Human Resources Management	2	2					
1.2.2	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					
1.2.3	NLQH0222L	Nguyên lý quan hệ lao động	Principles of Industrial Relations	2	2					
1.2.4	TCLĐ0222H	Tổ chức lao động	Labor Organization	2	2					
1.2.5	ĐMLĐ0223 H	Định mức lao động	Labour Norms	3	3				TCLĐ02 22H	
1.2.6	HĐNL0223H	Hoạch định nhân lực	Human resource planning	3	3					
1.2.7	TCBM0222 H	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Organizational structure and Job analysis	2	2					
1.2.8	TCNL0223H	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	Recruitment and Staffing	3	3					
1.2.9	QTCV0223H	Quản trị thực hiện công việc	Performance Management	3	3					
1.2.10	QTLĐ0223H	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Compensation Management in enterprises	3	3					

1.2.11	ĐTNL0223H	Đào tạo nhân lực	Human Resource Training	3	3					
1.2.12	BHLĐ0222H	Bảo hộ lao động	Occupational Safe anh Health	2	2				TCLĐ02 22H LLĐO10 222H	
1.2.13	QHTC0222H	Quan hệ lao động trong tổ chức	Industrial Relations In Organization	2	2				LLĐO10 222H NLQH0 222L	
1.2.14	TRLĐ0222H	Thị trường lao động	Labour Market	2	2				NNLU0 222H ViMO05 23H	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				19						
1.3.1. Kiến thức bắt buộc				5						
1.3.1.1	QKVC0222H	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Human resources management in the public sector	2	2					
11.3.2	LKVC0223H	Tiền lương trong khu vực công	Salary in the pubic sector	3	3				NLTL0 222H	
1.3.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2/4)				4						
1.3.2.1	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Corporate social responsibility in labor	2	2					
1.3.2.2	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					
1.3.2.3	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ02	

									23H	
1.3.2.4	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				QTLĐ02 23H	
1.3.3	TTCK0224T	Thực tập cuối khoá	Final Internship	4				4	TCNL02 23H QTLĐ02 23H ĐTNL02 23H	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp			6				6		
1.3.4.1	KLTN0226T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6				6		
	<i>Chọn các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 3/8 học phần chưa học sau)</i>			6						
1.3.4.2	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2				LLĐO10 22H NNLU0 222H	
1.3.4.3	NVBH0422 H	Nghị quyết bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.3.4.4	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	Labor sociology	2	2					
1.3.4.5	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2					
1.3.4.6	TNDN0222L	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	Corporate social responsibility in labor	2	2					
1.3.4.7	ĐLLĐ0222H	Tạo động lực lao động	Work Motivation	2	2					

1.3.4.8	XDBL0222H	Xây dựng thang bảng lương	Planning of payroll scale	2	2				QTLĐ02 23H	
1.3.4.9	TTLĐ0222H	Thanh tra lao động	Labour Inspection	2	2				QTLĐ02 23H	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced Mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723 H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722 H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					

1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				6						
1.5.1	Các học phần tự chọn nhóm 1 (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					
1.5.1.2	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2					
1.5.1.3	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.5.2	Các học phần tự chọn nhóm 2 (chọn 2/4)			4						
1.5.2.1	QLNN0222L	Quản lý nhà nước về lao động	State Management of Labour	2	2					
1.5.2.2	NVBH0422H	Nghiep vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.5.2.3	XHLĐ0322H	Xã hội học lao động	Labor sociology	2	2					
1.5.2.4	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	Business administration	2	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	3				TAC20623H	
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)										
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc									

	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	1					
1.6.2.2	Các học phần tự chọn									
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1	1					
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1	1					
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	1					
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	1					
	CAL11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	1					
	CAL21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	1					
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1	1					
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1	1					
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1	1					
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	3				TAC206 23H	
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2	2					
Tổng				121						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành									
1	Kinh tế vi mô	3	3							
2	Kinh tế vĩ mô	3			3					
3	Nguyên lý thống kê	2				2				
4	Luật Kinh tế	2			2					
5	Marketing căn bản	2				2				
6	Luật lao động	2					2			
7	Quản trị học	2			2					
8	Dân số và môi trường	2	2							
9	Nguồn nhân lực	2			2					
10	Thống kê lao động	2						2		
11	Tâm lý học lao động	2			2					
12	Hành vi tổ chức	2				2				
13	Nguyên lý kế toán 1	2				2				
14	Kinh tế lượng	2								
15	Kinh tế phát triển	2				2				
16	Ecgonômi	2								
II	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi									
17	Tổng quan quản trị nhân lực	2				2				
18	Nguyên lý tiền lương	2					2			
19	Nguyên lý quan hệ lao động	2					2			
20	Tổ chức lao động	2				2				
21	Định mức lao động	3					3			
22	Hoạch định nhân lực	3					3			
23	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	3			2					
24	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	3					3			
25	Quản lý thực hiện công việc	3						3		
26	Quản trị thù lao lao động	3						3		

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	trong doanh nghiệp									
27	Đào tạo và phát triển nhân lực	2						3		
28	Bảo hộ lao động	2						2		
29	Quan hệ lao động trong tổ chức	2							2	
30	Thị trường lao động	2						2		
III	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ									
31	Quản trị nhân lực trong khu vực công	2							2	
32	Tiền lương trong khu vực công	3							3	
33	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2							2	
34	Tạo động lực lao động	2								
35	Xây dựng thang bảng lương	2								
36	Thanh tra lao động	2								
37	Thực tập cuối khóa	4								4
38	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
	Quản lý nhà nước về lao động	2								6
	Nghị vụ bảo hiểm xã hội	2								
	Xã hội học lao động	2								
	Quản trị doanh nghiệp	2								
	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động	2								
	Tạo động lực lao động	2								
	Xây dựng thang bảng lương	2								
	Thanh tra lao động	2								

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
IV	Kiến thức nền tảng rộng									
39	Toán cao cấp 1	2	2							
40	Toán cao cấp 2	2	2							
41	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
42	Triết học Mác - Lênin	3			3					
43	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					2			
44	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
45	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		2						
46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2						2		
47	Pháp luật đại cương	2		2						
48	Tin học cơ bản 1	2	2							
49	Tin học cơ bản 2	2		2						
V	Kiến thức khác ngành									
50	Soạn thảo văn bản	2								
51	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		2						
52	Logic học	2								
53	Tâm lý học đại cương	2								
54	Quản lý nhà nước về lao động	2							4	
55	Nghệ vụ bảo hiểm xã hội	2								
56	Xã hội học lao động	2								
57	Quản trị doanh nghiệp	2								
VI	Kiến thức đại cương khác									
58	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
59	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
60	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	3				3				
61	Giáo dục thể chất									
62	Giáo dục quốc phòng									

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Tổng cộng		15	14	16	17	17	17	15	10

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng như: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn của cung và cầu; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

6. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

7. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

8. Dân số và môi trường

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Dân số môi trường là môn học nhằm giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số và môi trường, bao gồm: quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số; Mức sinh, mức chết và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết; Di dân và đô thị hoá; Quan hệ giữa dân số với tài nguyên và môi trường tự nhiên; Giữa dân số với môi trường xã hội, môi trường kỹ thuật đô thị; Dự báo dân số, chính sách dân số, chính sách quản lý môi trường...

9. Nguồn nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm những kiến thức lý luận cơ bản về nguồn nhân lực như quy mô, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo, phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực ở bình diện vĩ mô.

10. Thống kê lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Những vấn đề cơ bản của môn học Thống kê lao động; Thống kê thị trường lao động; Thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp; Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động; Thống kê môi trường và điều kiện lao động; Thống kê năng suất lao động; Thống kê thu nhập của lao động từ doanh nghiệp..

11. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện

tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

12. Hành vi tổ chức

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của Hành vi tổ chức, về các đặc điểm, quy luật vận hành, thay đổi và các yếu tố chi phối thái độ, hành vi cá nhân trong tổ chức; Quá trình tương tác quy luật của sự tương tác giữa cá nhân - cá nhân, cá nhân - nhóm và cá nhân với tổ chức; Kiến thức cơ sở của hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, đặc điểm vai trò của lãnh đạo và quyền lực; Cách thức vận hành và duy trì hiệu quả quá trình giao tiếp trong tổ chức.

13. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

14. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

15. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

16. Ecgonomi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Công thái học trong lao động: Bản chất của Ecgonomi; Các cơ sở nghiên cứu yếu tố con người trong lao động, cũng như các nguyên tắc cơ bản của Ecgonomi.

17. Tổng quan quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực như bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực; Mô hình quản trị nhân lực và chiến lược quản trị nhân lực.

18. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

19. Nguyên lý quan hệ lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường; Các chủ thể trong quan hệ lao động và thiết chế quan hệ lao động; Các cơ chế và thiết chế quan hệ lao động; Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn lao động; Đối thoại và thương lượng trong quan hệ lao động; Tranh chấp lao động và đình công; Một số nội dung chính trong quan hệ lao động.

20. Tổ chức lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức lao động trong từng tập thể lao động cụ thể, như: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ và nguyên tắc của tổ chức lao động, những cơ sở phương pháp của tổ chức lao động trong doanh nghiệp, các quan điểm, mô hình, các nội dung cơ bản trong công tác tổ chức lao động....

21. Định mức lao động

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, nội dung cơ bản của công tác định mức lao động trong doanh nghiệp, các phương pháp định mức lao động cơ bản, bước công việc và các bộ phận hợp thành, phân loại hao phí thời gian làm việc, chụp ảnh và bấm giờ, quản lý định mức lao động ở doanh nghiệp và các cấp quản lý nhà nước.

22. Hoạch định nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Hoạch định nhân lực gồm các nội dung: Tổng quan về hoạch định nhân lực, cơ sở và quy trình hoạch định nhân lực, phương pháp hoạch định cung, cầu nhân lực và cân đối cung cầu; Các kiến thức và kỹ năng hoạch định nhân lực hàng năm trong các

doanh nghiệp.

23. Tổ chức bộ máy và phân tích công việc

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức: Bản chất, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức; Các quan điểm, mô hình, học thuyết về tổ chức và cơ cấu tổ chức, các nội dung cơ bản của trong công tác tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong một tổ chức...; Các kỹ năng thực hành nghiệp vụ về tổ chức bộ máy, phân tích và thiết kế công việc trong **một tổ chức**.

24. Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quy trình tuyển dụng, phương pháp thu hút và sàng lọc ứng viên, vai trò của các cấp trong tuyển dụng nhân lực, xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng; Cơ sở sử dụng nhân lực, tiến trình sử dụng nhân lực trong tổ chức, hiệu quả sử dụng nhân lực.

25. Quản trị thực hiện công việc

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức: Tổng quan về quản trị thực hiện công việc; Cơ sở quản trị thực hiện công việc; Phương pháp quản trị thực hiện công việc; Quy trình quản trị thực hiện công việc; Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thực hiện công việc; Kỹ năng phản hồi thông tin.

26. Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức như: bản chất, vai trò của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng; kết cấu của quản trị thù lao lao động. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng quản trị thù lao như quản trị tiền lương, tiền thưởng, quản trị các chương trình phúc lợi, các nội dung về quy chế trả lương trong doanh nghiệp.

27. Đào tạo nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức như bản chất, vai trò, chức năng đào tạo nhân lực; Các quan điểm đào tạo nhân lực cũng như các nghiệp vụ cơ bản về đào tạo nhân lực; Các kiến thức và kỹ năng thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực trong tổ chức.

28. Bảo hộ lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Bảo hộ lao động; Hệ thống luật pháp và Quản lý nhà nước về Bảo hộ lao động; Vệ sinh lao động và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động; An toàn lao động và các giải pháp phòng ngừa tai nạn lao động; Tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong các tổ chức/Doanh nghiệp.

29. Quan hệ lao động trong tổ chức

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về QHLD trong tổ chức; Công đoàn trong tổ chức; Tổ chức đối thoại trong QHLD; Thương lượng trong QHLD; Nội quy và chấp hành kỷ luật lao động; Một số quyền lợi cơ bản của người lao động; Xung đột và tranh chấp lao động.

30. Thị trường lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm những kiến thức lý luận cơ bản về thị trường lao động như cung lao động, cầu lao động; tương tác cung - cầu trên thị trường lao động; Các kết quả của quá trình tương tác cung - cầu lao động; thông tin và thống kê thông tin thị trường lao động; Các dòng di chuyển của lao động trên thị trường lao động quốc tế; Hoạt động dịch vụ việc làm trên thị trường lao động; Những thông tin cơ bản về thị trường lao động và dịch vụ việc làm của Việt Nam.

31. Quản trị nhân lực trong khu vực công

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ cơ bản về quản trị nhân lực áp dụng phù hợp cho đặc thù khu vực công: Khái quát quản trị nhân lực trong khu vực công; Tổ chức bộ máy và Hoạch định nhân lực; Tuyển chọn và sử dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Quan hệ lao động.

32. Tiền lương trong khu vực công

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về tiền lương khu vực công, tiền lương tối thiểu, các chế độ phụ cấp lương, các hình thức trả lương có thể áp dụng đối với khu vực công và quản lý tiền lương, thu nhập trong khu vực công.

33. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và tiêu chuẩn lao động; Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

34. Tạo động lực lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng tới động lực lao động và công tác tạo động lực lao động, các học thuyết liên quan tới động lực lao động cũng như các phương pháp tạo động lực lao động.

35. Xây dựng thang bảng lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên các phương pháp xây dựng thang bảng lương: Xây dựng thang bảng lương theo mức độ phức tạp công việc - điều kiện lao động và phương pháp xây dựng thang bảng lương theo giá trị công việc.

36. Thanh tra lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Tổng quan về hệ thống thanh tra ngành LĐ, TB-XH, đặc biệt là TTLĐ; Giới thiệu qui trình tiến hành một cuộc thanh tra LĐ theo qui định của pháp luật; Một số kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động thanh tra Lao động.

37. Thực tập cuối khoá

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ hội kiểm nghiệm lại kiến thức chuyên ngành trong toàn chương trình đào tạo. Học hỏi từ thực tế công việc và rèn luyện kỹ năng cần có trong tình huống thực tiễn.

38. Khoá luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức chuyên ngành sau quá trình đi nghiên cứu thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào đánh giá thực tế nghiệp vụ và tư duy sáng tạo nhằm giải quyết một vấn đề chuyên sâu của chuyên ngành.

39. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

40. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

41. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

42. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

43. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

44. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

45. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

46. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

47. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

48. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị

kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

49. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL Database., CSDL quan hệ Relational Database. và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

50. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

51. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

52. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

53. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

54. Quản lý nhà nước về lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Một số vấn đề cơ bản về Quản lý Nhà nước về lao động; Các chính sách cơ bản về Quản lý Nhà nước về lao động; Bộ máy Quản lý Nhà nước về lao động.

55. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

56. Xã hội học lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Cơ cấu lao động, thị trường lao động, phân công lao động, di chuyển lao động, việc làm và thất nghiệp, quan hệ lao động,...; Các kiến thức của điều tra xã hội học lao động; Các kỹ thuật thu thập thông tin trong điều tra xã hội học lao động để tiến hành nghiên cứu, phân tích một số đề tài cụ thể liên quan đến lao động.

57. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

58. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

60. Tiếng Anh chuyên ngành quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này bao quát và cung cấp các thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành quản trị nhân lực như quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng...

61. Thể dục - Điền kinh

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

62. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

63. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

67. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

68. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua .
- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam

- Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

69. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

72. Công tác Quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

73. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng